

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2025/DS-ST**

Ngày: 15-5-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 17.3.2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 16.4.2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1. Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T2, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Hoàng Phương M - Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng XLN - Trung tâm Xử lý nợ 1 - Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

2. Ông Mai Ngọc T - Chức vụ: Chuyên viên chính Thu giữ TSBĐ - Trung tâm Xử lý nợ 1 - Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

3. Bà Hồ Thị Thanh N - Chức vụ: Trưởng bộ phận XLN-KHCNMT - Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

4. Bà Trương Thị H - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp XLN-KHCNMT - Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

5. Ông Nhan Ngọc L - Chức vụ: Nhân viên bộ phận xử lý nợ khách hàng cá nhân - Trung tâm Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

6. Ông Lê Văn Đ - Chức vụ: Chuyên viên bộ phận XLN Khách hàng cá nhân M - Trung tâm Xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối xử lý và Thu hồi nợ - T2.

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2023/UQ - TPB.HĐQT ngày 18.10.2023 và Giấy ủy quyền số 672/2024/GUQ-TPB.DR ngày 17.6.2024). Địa chỉ liên hệ: Số D N, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Bà H có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đào Duy K - sinh năm: 1985 và bà Trương Lệ Q - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: K H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông K, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 – đại diện theo ủy quyền là bà Trương Thị H trình bày:**

Ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q vay vốn tại Ngân hàng TMCP T1 theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. *Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP T1 và ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q:*

- Số tiền vay: 486.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng).

- Mục đích vay vốn: Bu đắp vốn tự có tiền mua ô tô.

- Thời hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất: Trong hạn: Lãi suất áp dụng trong suốt thời hạn vay: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng * bằng VND của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.3%.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên Dư Nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của Khách H1 bị chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả: Bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng.

2. *Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP T1 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021 giữa T2 và ông Đào Duy K:*

- Hạn mức: 48,000,000 đồng.
- Loại thẻ: TPBank Visa chuẩn.
- Số tiền giải ngân: Khách hàng đã sử dụng/tiêu dùng toàn bộ hạn mức được cấp.

- Lãi, phí áp dụng:

+ Lãi suất cho vay trong hạn (lãi giao dịch): 27%/năm. (Căn cứ Quyết định số 1003/2018/QĐ-TPB.RB ngày 23/11/2018 của T2).

Nguyên tắc tính lãi giao dịch: (Căn cứ Điều 4.2 (a) – Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB.RB ngày 21/06/2021):

Đối với các giao dịch phải chịu lãi theo quy định này, tiền lãi được tính trên dư nợ giao dịch của khách hàng và thời gian vay thực tế (từ ngày các giao dịch được cập nhật thành công vào hệ thống quản lý Thẻ Ngân hàng TMCP T1 đến ngày khách hàng hoàn trả hết dư nợ).

Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và hạch toán thu vào ngày sao kê.

Lãi trong hạn được Ngân hàng TMCP T1 quy định trong từng thời kỳ.

+ Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Nguyên tắc tính lãi quá hạn: (Căn cứ Mục 4.2 (b) – Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB.RB ngày 21/06/2021).

Vào ngày đến hạn thanh toán, khách hàng không trả nợ hoặc trả ít hơn giá trị thanh toán tối thiểu thì Ngày sau ngày đến hạn thanh toán là ngày bắt đầu quá hạn, khách hàng phải trả phí chậm thanh toán theo quy định của Ngân hàng TMCP T1 và:

- Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: Khách hàng sẽ chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày khách hàng hoàn trả hết dư nợ quá hạn.

- Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: Khách hàng sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày khách hàng hoàn trả hết dư nợ quá hạn.

+ Lãi chậm trả: 4.4% số tiền chậm thanh toán (Căn cứ Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng TMCP T1 - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/06/2021 của Ngân hàng TMCP T1).

Nguyên tắc tính lãi: (Căn cứ Điều 3.1 (j) – Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB.RB ngày 21/06/2021)

Được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền chậm trả nợ.

- Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: Khách hàng phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.

- Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: Khách hàng phải chịu khoản tiền phí do chậm trả nợ trên toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.

+ Phí thường niên: 288,000 đồng/năm (Căn cứ mục 2 - Phụ lục 03: Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng TMCP T1 - Quyết định số 1075/2021/QĐ-TPB.RB ngày 22/06/2021 của Ngân hàng TMCP T1).

Nguyên tắc tính phí thường niên: (Căn cứ Điều 3.1 (e) – Chương II - Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân số 034/2021/SP-TPB.RB ngày 21/06/2021)

+ **Phí thường niên:** Là khoản phí Chủ Thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc Ngân hàng TMCP T1 cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng thông qua việc phát hành và sử dụng Thẻ. Phí thường niên năm đầu tiên sẽ được thu tại thời điểm phát hành Thẻ thành công sau khi Ngân hàng TMCP T1 phê duyệt cấp hạn mức tín dụng Thẻ. Phí thường niên các năm tiếp theo sẽ thu tự động vào tháng phát hành Thẻ hàng năm (căn cứ vào thời hạn hiệu lực Thẻ)

+ **Ngày mở thẻ:** 27/10/2021; Ngày đến hạn: 31/10/2026.

+ **Ngày sao kê:** Ngày 11 hàng tháng, Ngân hàng TMCP T1 thực hiện sao kê Thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng TMCP T1 VISA trong đó liệt kê toàn bộ giao dịch Thẻ khách hàng đã thực hiện và được tổ chức Thẻ quốc tế quyết toán trong kỳ (từ ngày 12 tháng trước đến ngày 11 tháng gửi sao kê) và gửi sao kê cho Ngân hàng TMCP T1 qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đăng ký với Ngân hàng TMCP T1 được lưu trên hệ thống thẻ của Ngân hàng TMCP T1 tối đa 05 ngày từ sau ngày 11 hàng tháng.

+ **Ngày đến hạn thanh toán:** Ngày 05 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ), Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ hoặc ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê.

Để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ trên, Đào Duy K và bà Trương Lệ Q đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP T1 tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021, cụ thể như sau:

01 xe ô tô nhãn hiệu Audi; Số loại: Q5; Màu trắng; Số khung: WAUZZZ8R3DA086910; Số máy: CNC013795; Biển kiểm soát: 43A-630.99 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 009245 do Phòng C – Công an thành phố Đ cấp ngày 20/10/2021 cho bà Trương Lệ Q

Quá trình thương lượng và giải quyết:

1. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021:

Quá trình, Ông – bà Q đã thanh toán được số tiền là: 380.733.049 đồng; trong đó thu vào nợ gốc: 324.903.751 đồng; thu vào nợ lãi 55.829.298 đồng.

Từ kỳ trả nợ ngày 20/3/2023, ông K – bà Q đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T1. Ngân hàng TMCP T1 đã làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện cho ông K – bà Q thanh toán nợ nhưng Ngân hàng TMCP T1 không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông K – bà Q. Sự vi phạm nghĩa vụ của ông K – bà Q như trên đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP T1. Đến ngày 23/10/2023 khoản vay của ông K – bà Q đã hết hạn trả nợ theo hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP T1 đã chuyển toàn bộ khoản vay thành khoản nợ quá hạn.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, Ông K1 – bà Q đã thực hiện thủ tục tất toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và T2 đã thực hiện thủ tục hạch toán, thu nợ, giải chấp sản phẩm bảo đảm cho khách hàng theo quy định.

2. Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP T1 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021:

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kỳ trả nợ ngày 25/3/2023, ông K đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP T1. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 26/6/2023 Ngân hàng TMCP T1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Căn cứ theo khoản 3.b Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T2, số hiệu 1379/2021/QĐ-TPB.RB).

Tổng dư nợ thẻ tín dụng tạm tính tới ngày 14/05/2025 của ông K - bà Q tại Ngân hàng TMCP T1, cụ thể là:

- Nợ gốc thẻ: 46,953,426 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 14,875,005 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 18,808,877 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 25,453,046 đồng
- Nợ phí thường niên năm 2023: 288,000 đồng
- Tổng dư nợ: 106,378,354 đồng.

Do vào ngày 14/5/2025, ông K bà Q thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và T2 đã giải chấp đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Audi; Biển kiểm soát: 43A-630.99. Do đó, Ngân hàng TMCP T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị

Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với xe ô tô nhãn hiệu Audi; Biển kiểm soát: 43A-630.99. Đồng thời, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP T1 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021, theo hướng buộc ông K thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP T1 tính đến ngày 14/5/2025, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 46.953.426 đồng.

+ Nợ lãi: 59.424.928 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn: 14.875.005 đồng; Nợ lãi quá hạn: 18.808.877 đồng; Nợ lãi chậm trả: 25.453.046 đồng; Nợ phí thường niên của năm 2023: 288.000 đồng).

Tổng cộng: 106.378.354 đồng.

Ông K còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

** Bị đơn – Ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Audi; Biển kiểm soát: 43A-630.99. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đào Duy K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền còn nợ tính đến ngày 14/5/2025 là 106.378.354 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 46.953.426 đồng, nợ lãi và phí là: 59.424.928 đồng. Buộc ông Đào Duy K tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 với bị đơn ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T1 xác định ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q đã thực hiện thủ tục tất toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021. Ngân hàng TMCP T1 đã thực hiện thủ tục hoạch toán, thu nợ, giải chấp tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Audi; Biển kiểm soát: 43A-630.99 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 009245 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 20/10/2021 cho bà Trương Lệ Q. Do đó, Ngân hàng TMCP T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đào Duy K và bà Trương Lệ Q trả nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp. Việc Ngân hàng TMCP T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP T1 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.2.1] Ngày 27/10/2021, giữa ông Đào Duy K và Ngân hàng TMCP T1 ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP T1 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021 và Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP T1 đã cấp hạn mức tín dụng 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) với mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: 27%/năm; Lãi suất quá hạn: 40,5%/năm (27%/tháng x 150%); Lãi chậm trả: 4,4%/năm; phí thường niên 288.000 đồng/năm. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng, hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Bị đơn, ông Đào Duy K mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP T1, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Đào Duy K nợ Ngân hàng TMCP T1 số tiền tính đến ngày 14/5/2025 là 106.378.354 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 46.953.426 đồng, nợ lãi và phí là: 59.424.928 đồng.

[2.2.3] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông K không thực hiện việc thanh toán gốc và lãi từ ngày 25/3/2023 đến ngày 26/6/2023 Ngân hàng TMCP T1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng TMCP T1 căn cứ theo khoản 3.b Điều 6 và Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng của Ngân hàng để khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Duy K thanh toán số tiền tính đến ngày 14/5/2025 là 106.378.354 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm năm mươi tư đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 106.378.354 đồng x 5% = 5.318.917 đồng ông Đào Duy K phải chịu.

[5] Chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP T1 rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến Hợp đồng cho vay kèm thẻ chấp xe ô tô số 268/2021/HĐTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và rút yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp nên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) Ngân hàng TMCP T1 phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự (đã tạm ứng và đã chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 4 Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 15 Điều 4; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp sử dụng thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP T1 đối với ông Đào Duy K.

Buộc ông Đào Duy K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/5/2025 là 106.378.354 đồng (Một trăm linh sáu triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm năm mươi tư đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 46.953.426 đồng, nợ lãi và phí là: 59.424.928 đồng.

Ông Đào Duy K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T2 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/10/2021 và Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

II. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1 về việc buộc ông Đào Duy K và bà Trương Lê Q trả nợ theo Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 268/2021/HDTD/HCU/01 ngày 21/10/2021 và yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Audi; Biên kiểm soát: 43A-630.99 theo Chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 43 009245 do Phòng C - Công an thành phố Đ cấp ngày 20/10/2021 cho bà Trương Lệ Q.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Ông Đào Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.318.917 đồng (Năm triệu ba trăm mười tám ngàn chín trăm mười bảy đồng).

2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.714.620 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười bốn ngàn sáu trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0004576 ngày 23.10.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

IV. Chi phí tố tụng: Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) Ngân hàng TMCP T1 phải chịu (đã tạm ứng và đã chi xong).

V. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh